

# TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 23/NQ-TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRÊN LĨNH VỰC BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA\*

NGUYỄN HỮU TOÀN\*\*

## 1. Nghị quyết 23 và vấn đề bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa

Trong quá trình triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (Khóa VIII) của Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, sự ra đời Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị "về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới" (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 23) có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển của một lĩnh vực/thành tố quan trọng của nền văn hóa Việt Nam - lĩnh vực văn học, nghệ thuật, trong bối cảnh đất nước bước sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết 23 đề cập nhiều vấn đề liên quan đến quan điểm của Đảng về phát triển văn học, nghệ thuật. Tiếp cận từ lĩnh vực hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, có thể nhận thấy một số nội dung của Nghị quyết trực tiếp liên quan đến quan điểm chỉ đạo của Đảng ta, nhằm đẩy mạnh các hoạt động của lĩnh vực này, nhằm góp phần vào sự phát triển văn học, nghệ thuật ở nước ta, cụ thể:

- Về những thành tựu..., Nghị quyết khẳng định: "...Công tác sưu tầm, bảo tồn, phát huy di sản văn học, nghệ thuật của các dân tộc đạt được những kết quả thiết thực... Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển; nhiều câu lạc bộ văn học, nghệ thuật ra đời, góp phần cổ vũ, động viên quần chúng sáng tạo, khai thác, truyền bá các giá trị nghệ thuật cổ truyền và thưởng thức văn học, nghệ thuật, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân ở cơ sở..."

\*\* Phó Cục trưởng Cục Di sản văn hoá

- Về những yếu kém, khuyết điểm, Nghị quyết chỉ rõ: "...Thiếu định hướng và tiêu chí cụ thể cho việc chọn lọc, kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống cũng như chọn lọc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại trong thời gian qua còn nhiều bất cập, có lúc không rõ tiêu chí, thiếu định hướng. Chưa xây dựng được những công trình trung tâm lớn cho hoạt động văn hoá, nghệ thuật, tương xứng với vị thế của đất nước thời kỳ mới..."

- Từ đánh giá thực trạng đó, Nghị quyết đã nêu quan điểm chỉ đạo của Đảng là: "...Trên cơ sở giữ gìn, phát triển, phát huy những giá trị của văn học, nghệ thuật dân tộc, tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học, tiến bộ của nước ngoài, đồng thời kiên quyết ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn áp đặt, xâm lăng văn hóa của các thế lực thù địch..."

- Theo đó, là chủ trương và các giải pháp thực hiện:

+ "... Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch xã hội hoá các hoạt động văn học, nghệ thuật, làm rõ các lĩnh vực cần xã hội hoá, lĩnh vực Nhà nước và nhân dân cùng làm, lĩnh vực Nhà nước phải đầu tư bảo tồn, xây dựng và phát triển... Xây dựng đề án và cơ chế bảo tồn, truyền bá các loại hình văn học, nghệ thuật cổ truyền; có chính sách đặc biệt hỗ trợ sự phát triển của ngôn ngữ, chữ viết và văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số..."

+ "...Xây dựng và thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, ưu đãi văn nghệ sĩ có quá trình cống hiến, có nhiều tác phẩm tốt, ảnh hưởng tích cực trong xã hội..."

+ "...Tăng cường các biện pháp xây dựng, phát triển văn nghệ quần chúng, hướng dẫn, khuyến khích quần chúng tham gia sáng tạo, bảo tồn,

truyền dạy và phát huy các giá trị văn hoá, văn nghệ truyền thống của dân tộc...”

Sau 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã đạt được nhiều thành tựu, tích cực góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội.

## 2. Một số kết quả tích cực

### 2.1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Trong những năm qua, đặc biệt từ năm 2009 đến nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa đã được tập trung xây dựng, ban hành, tạo ra hành lang pháp lý ngày càng thuận lợi hơn cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, di sản văn học, nghệ thuật nói riêng. Từ năm 2009 đến nay, có 1 Luật sửa đổi, 2 Nghị định và 8 Thông tư về lĩnh vực này được cơ quan có thẩm quyền ban hành, trong đó có *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hoá phi vật*

*thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia...* Đối tượng, phạm vi, nội dung điều chỉnh của các văn bản này có nhiều điểm mới, nhất là những điều chỉnh nhằm thực hiện việc kiểm kê kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, tôn vinh những người có tài và có công bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, bảo vệ và phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc,... đã thực sự tạo ra cơ hội và điều kiện để những quan điểm, định hướng và giải pháp của Đảng về vấn đề bảo tồn di sản văn hóa dân tộc nhằm phát triển văn học, nghệ thuật theo tinh thần Nghị quyết 23 được triển khai có hiệu quả trong thực tiễn đời sống.

### 2.2. Tôn vinh những di sản văn hóa về văn học, nghệ thuật

- Về di sản văn hóa phi vật thể:

Từ năm 2008 đến nay, nhiều di sản văn hóa phi vật thể thuộc loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian của Việt Nam đã được quan tâm nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị và đã được UNESCO vinh danh, như: Dân ca Quan họ Bắc Ninh - Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2009); Hát Ca trù - Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp (2009); Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc (Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại - 2010); Hát Xoan Phú Thọ - Di sản văn hóa phi vật



Dấu tích: Hầm Chỉ huy Tập đoàn Cứu chiến Điện Biên Phủ (7/5/1954) - Ảnh: Thế Hùng

thể cần được bảo vệ khẩn cấp (2011); Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ - Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2012).

Việc kiểm kê và lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể đã được tiến hành ở nhiều địa phương trên cả nước; nhiều di sản văn hóa phi vật thể thuộc loại hình ngữ văn dân gian và nghệ thuật trình diễn dân gian đã được lập hồ sơ khoa học. Trên cơ sở đó, tháng 12 - 2012, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã quyết định đưa 33 di sản văn hóa phi vật thể và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (đợt 1).

- Về di sản văn hoá vật thể:

Ngày 27/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1419/QĐ-TTg xếp hạng Di tích lịch sử Khu lưu niệm Nguyễn Du, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là di tích quốc gia đặc biệt. Ngày 01/10/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1426/QĐ-TTg công nhận 30 hiện vật và nhóm hiện vật là bảo vật quốc gia, trong đó có những tác phẩm điêu khắc nghệ thuật là cổ vật nổi tiếng (Trống đồng Ngọc Lũ, Trống đồng Hoàng Hạ, Thạp đồng Đào Thịnh...), đặc biệt là có tác phẩm "Ngọc trung nhật ký" (Nhật ký trong tù) bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ năm 2008 đến nay, thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hỗ trợ kinh phí cho tu bổ, tôn tạo nhiều di tích nhằm tôn vinh các tác gia văn học, nghệ thuật lớn của nền văn học Việt Nam: khu di tích Nguyễn Du (tỉnh Hà Tĩnh) với tổng kinh phí là 4 tỷ đồng (năm 2011, 2012), dự kiến năm 2013 đầu tư 3 tỷ đồng; mộ và khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu (tỉnh Bến Tre) là 1 tỷ đồng năm 2012; đền thờ Nguyễn Bình Khiêm (thành phố Hải Phòng) là 3 tỷ đồng năm 2012, dự kiến năm 2013 đầu tư 2 tỷ đồng; đền thờ Lê Văn Hưu (tỉnh Thanh Hóa) là 200 triệu đồng năm 2009; khu lưu niệm Phan Bội Châu (tỉnh Thừa Thiên Huế) là 400 triệu đồng năm 2009, năm 2010 là 400 triệu đồng; khu lưu niệm Phan Chu Trinh (tỉnh Quảng Nam) đầu tư 300 triệu đồng năm 2008, năm 2010 là 200 triệu đồng, năm 2011 là 400 triệu đồng, năm 2012 là 800 triệu đồng; mộ Phan Chu Trinh (thành phố Hồ Chí Minh) là 300 triệu đồng năm 2011, năm 2012 là 1 tỷ đồng... Các di tích sau khi được tu bổ, tôn tạo đã trở thành những sản phẩm văn hoá - du lịch đặc thù, góp phần hình thành những điểm, tuyến du lịch hấp dẫn, đồng thời là nơi giáo dục truyền thống yêu nước, bản sắc

văn hóa dân tộc cho các thế hệ trẻ.

### 2.3. Về hoạt động bảo tàng

Hệ thống bảo tàng Việt Nam (bao gồm 136 bảo tàng, trong đó có 16 bảo tàng ngoài công lập) ngày càng hoàn thiện và hoạt động có hiệu quả. Nhiều bảo tàng đã chú trọng vào hoạt động sưu tầm, lưu giữ, trưng bày và giới thiệu những tác phẩm văn học nghệ thuật và sưu tập hiện vật có giá trị liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp của các tác gia văn học, nghệ thuật trong lịch sử và hiện tại. Đặc biệt, một số bảo tàng chuyên ngành, bảo tàng chuyên đề về văn học, nghệ thuật đã được thành lập, hoạt động ngày một hiệu quả, đã không chỉ bổ sung vào hệ thống bảo tàng Việt Nam những khuôn diện mới, mà còn trực tiếp tham gia giữ gìn, quảng bá di sản văn học, nghệ thuật Việt Nam, thúc đẩy sự phát triển văn học, nghệ thuật Việt Nam (Bảo tàng Văn học Việt Nam thuộc Hội Nhà văn Việt Nam và các bảo tàng ngoài công như: Bảo tàng Mỹ thuật họa sĩ Tốt và gia đình, Bảo tàng Mỹ thuật họa sĩ Phan Thị Ngọc Mỹ, Bảo tàng không gian văn hóa Mường, Bảo tàng Văn hóa Việt,...).

### 2.4. Về xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị văn học, nghệ thuật

Công tác xã hội hoá được đẩy mạnh, ngày càng thu hút nhiều tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá. Nhiều trung tâm/câu lạc bộ Công chiêng, Ca trù, Quan họ, Hát Xoan, Đờn ca tài tử đã được phục hồi; hàng trăm câu lạc bộ mới ra đời, hoạt động dưới hình thức các trung tâm nghiên cứu và cơ sở diễn xướng dân gian theo đội, nhóm hoặc gia đình. Một số câu lạc bộ đã hoạt động có uy tín, được các tổ chức nước ngoài mời tham gia liên hoan di sản văn hóa phi vật thể quốc tế... Đây chính là những cơ hội tốt cho các chủ thể văn hóa được giao lưu, học hỏi và tự giới thiệu với thế giới về di sản văn hóa của mình.

### 3. Một số hạn chế

Có thể nói, trong từng lĩnh vực cụ thể của hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn học, nghệ thuật, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, vẫn còn tồn tại những hạn chế, yếu kém:

3.1. Việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa tuy đã rất khẩn trương, tích cực, nhưng vẫn chưa đáp ứng kịp thời đòi hỏi của thực tiễn, nhất là những văn bản điều chỉnh chính sách tôn vinh và ưu đãi những người có công, có tài trong hoạt động sáng tạo, gìn giữ, trao truyền di sản văn học, nghệ thuật (thuộc lĩnh

vực di sản văn hóa phi vật thể). Đến nay, những quy định cụ thể của Chính phủ về xét tặng các danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú vẫn chưa được ban hành; theo đó, các văn bản do các Bộ, ngành có liên quan đến việc xây dựng chính sách đãi ngộ cho các đối tượng này cũng chưa có cơ sở để triển khai. Điều đó khiến các chủ trương, giải pháp về "...Xây dựng và thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, ưu đãi văn nghệ sĩ có quá trình cống hiến, có nhiều tác phẩm tốt, ảnh hưởng tích cực trong xã hội..." và "Xây dựng đề án và cơ chế bảo tồn, truyền bá các loại hình văn học, nghệ thuật cổ truyền; có chính sách đặc biệt hỗ trợ sự phát triển của ngôn ngữ, chữ viết và văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số..." - như tinh thần của Nghị quyết 23, chậm được hiện thực hóa trong thực tiễn đời sống.

3.2. Công tác sưu tầm, gìn giữ và trưng bày giới thiệu các di sản văn học, nghệ thuật, do còn gặp nhiều khó khăn, nên hiệu quả đạt được còn thấp. Bảo tàng Văn học Việt Nam, sau hơn 10 năm xây dựng và trưng bày, đến nay vẫn chưa thực sự hoàn thiện, hiện vật trưng bày còn nghèo; một số bảo tàng ngoài công lập về văn học, nghệ thuật còn ít nhận được sự quan tâm hướng dẫn nghiệp vụ, hỗ trợ việc tổ chức hoạt động của các địa phương và cơ quan chuyên môn chuyên ngành... Vì thế, các bảo tàng và sưu tập về văn học, nghệ thuật chưa phát huy được hiệu quả của mình trong việc phục vụ các hoạt động sáng tạo mới (cung cấp thông tin, tư liệu, kinh nghiệm, gợi xúc cảm...), vừa quảng bá giá trị di sản văn học, nghệ thuật của đất nước với công chúng ở trong và ngoài nước.

3.3. Nguồn vốn đầu tư cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn học, nghệ thuật còn thấp, chưa ổn định và kịp thời. Điều đó không chỉ khiến cho chất lượng và hiệu quả của lĩnh vực hoạt động này ở các tổ chức công lập còn chưa cao (Bảo tàng Văn học Việt Nam là một ví dụ), mà còn chưa tạo cơ hội/ "những cú hích" cho việc đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực công tác này. Cũng do đó, việc triển khai chủ trương và giải pháp về "... Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch xã hội hóa các hoạt động văn học, nghệ thuật, làm rõ các lĩnh vực cần xã hội hóa, lĩnh vực Nhà nước và nhân dân cùng làm, lĩnh vực Nhà nước phải đầu tư bảo tồn, xây dựng và phát triển..." và "... Tăng cường các biện pháp xây dựng, phát triển văn nghệ quần chúng, hướng dẫn, khuyến khích quần chúng

tham gia sáng tạo, bảo tồn, truyền dạy và phát huy các giá trị văn hoá, văn nghệ truyền thống của dân tộc...", theo tinh thần Nghị quyết 23, còn chưa đạt được kết quả mong đợi.

#### 4. Một số đề xuất, khuyến nghị

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 23-NQ/TW, đưa Nghị quyết 23 vào thực tiễn đời sống, từ những trình bày trên đây, chúng tôi có một số đề xuất, khuyến nghị sau đây:

1. Cần tăng cường hơn nữa công tác xây dựng, phổ biến pháp luật nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

2. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, trong đó tập trung đầu tư cho công tác sưu tầm, gìn giữ những tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị, tu bổ và tôn tạo di tích lưu niệm các tác gia văn học, nghệ thuật trong lịch sử và các tác giả đã được nhà nước vinh danh qua các giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước trong những năm qua.

3. Củng cố, hoàn thiện hệ thống thiết chế ngành di sản văn hóa, đồng thời tập trung đầu tư xây dựng nguồn lực con người đảm bảo sự phát triển đồng bộ của ngành. Quan tâm tới việc xây dựng cơ chế chính sách phù hợp, khuyến khích quần chúng tham gia vào hoạt động sáng tạo, bảo vệ và phát huy di sản văn học, nghệ thuật.

Trong thời gian tới, Nhà nước cần tập trung đầu tư, đồng thời Hội Nhà văn Việt Nam cần tập trung hoàn thành việc xây dựng, trưng bày, tổ chức hoạt động có hiệu quả Bảo tàng Văn học Việt Nam, đưa Bảo tàng trở thành mái nhà chung của các nhà văn, của mọi người yêu mến văn chương, thành điểm đến hấp dẫn đối với thế hệ trẻ nói riêng, công chúng ở trong và ngoài nước nói chung.

4. Xây dựng đề án bảo tồn, lưu giữ và phát huy giá trị các loại hình văn học, nghệ thuật, đồng thời, đẩy mạnh hoạt động hợp tác, giao lưu văn hóa, đưa di sản văn học, nghệ thuật tiêu biểu của Việt Nam ra nước ngoài nhằm quảng bá hình ảnh, đất nước và con người Việt Nam, góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế./.

N.H.T

#### Chú thích:

\* Trong bài viết có sử dụng một số thông tin trong báo cáo công tác của Cục Di sản văn hóa về vấn đề này và tư liệu của đồng nghiệp - Xin được phép và chân thành cảm ơn.